

1. Quy định về miễn trừ MFN trong GATS:

Tương tự như trong lĩnh vực thương mại hàng hoá và sở hữu trí tuệ, Đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) là một nguyên tắc nền tảng trong thương mại dịch vụ. Điều II, GATS quy định “Đối với bất kỳ biện pháp nào thuộc phạm vi điều chỉnh của hiệp định này, mỗi Thành viên phải ngay lập tức và không điều kiện dành cho dịch vụ và người cung cấp dịch vụ của bất kỳ Thành viên nào khác, sự đãi ngộ không kém thuận lợi hơn sự đãi ngộ mà Thành viên đó dành cho dịch vụ và người cung cấp dịch vụ của bất kỳ nước nào khác”. Nghĩa vụ này có thể được hiểu là các thành viên WTO sẽ dành cho các thành viên khác và đồng thời được hưởng từ các thành viên đó đãi ngộ ưu đãi nhất mà mỗi thành viên dành cho bất kỳ quốc gia nào, bất kể quốc gia đó có là thành viên WTO hay không. Như vậy, về nguyên tắc, mọi biện pháp mở cửa thị trường đối với các dịch vụ thuộc GATS, bất kể được cam kết đơn phương, song phương hoặc đa phương đều phải được áp dụng vô điều kiện với mọi thành viên WTO.

Tuy nhiên, trên thực tế, đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ là một nội dung hết sức phức tạp bởi chính những thuộc tính của thương mại dịch vụ. Trước hết, do tính chất vô hình của dịch vụ nên rất khó định lượng tác động của các biện pháp bảo hộ cũng như giá trị của các cam kết tự do hoá trong lĩnh vực này. Bởi vậy, trong đàm phán về dịch vụ không có được những công thức cắt giảm chung như trong thương mại hàng hoá và mỗi quốc gia tự đưa ra một lịch trình cam kết riêng. Với trình độ phát triển, năng lực đàm phán khác nhau, mỗi quốc gia có một Danh mục cam kết riêng và không nước nào giống nước nào. Thứ hai, các nhóm nước có cách tiếp cận rất khác nhau trong đàm phán dịch vụ. Trong khi các nước công nghiệp phát triển muốn thúc đẩy mạnh mẽ các thoả thuận mở cửa thị trường thì các nước đang phát triển lại hết sức dè dặt trong việc đưa ra các cam kết. Bên cạnh lý do về trình độ phát triển, một nguyên nhân không kém phần quan trọng là sự e ngại việc mở cửa thiếu kiểm soát các dịch vụ nhạy cảm (tài chính, viễn thông, vận tải,

giáo dục...) có thể dẫn đến mất ổn định, tác động tiêu cực tới phát triển kinh tế-xã hội. Cụ thể, trong số các thành viên đang phát triển của WTO, 44 nước cam kết dưới 20 phân ngành và 47 nước cam kết từ 21 đến 60 phân ngành. Các nước phát triển đều cam kết từ 60 đến 130 phân ngành. Từ hai lý do cơ bản nêu trên, nếu áp dụng cứng nhắc nguyên tắc MFN sẽ không thúc đẩy được tiến trình đàm phán dịch vụ. Bởi điều này sẽ mâu thuẫn với một nguyên tắc quan trọng của đàm phán là nguyên tắc có đi có lại và không khuyến khích các thành viên tự nguyện đưa ra các cam kết tự do hoá dịch vụ.

GATS đã có sự linh động đối với các thành viên trong việc thực hiện nghĩa vụ MFN. Khoản II.2, GATS và Phụ lục về các miễn trừ thuộc điều 2 cho phép các thành viên được từ chối thực hiện nghĩa vụ MFN, với điều kiện các ngoại lệ này phải được liệt kê trong Danh mục các miễn trừ MFN được trình khi kết thúc Vòng Uruguay (hoặc vào thời điểm gia nhập). Bản liệt kê các miễn trừ MFN được thực hiện theo mẫu chung, nêu các thông tin đầy đủ liên quan tới mỗi miễn trừ, gồm (i) mô tả phân ngành áp dụng miễn trừ (ii) mô tả biện pháp áp dụng, chỉ rõ tại sao biện pháp này không phù hợp với quy định tại Điều II về MFN (iii) các nước là đối tượng của miễn trừ (iv) thời hạn áp dụng (v) lý do áp dụng. Về nguyên tắc, các miễn trừ MFN không được vượt quá thời hạn 10 năm và sẽ được đàm phán tại các vòng đàm phán tiếp theo về tự do hoá thương mại dịch vụ. Bên cạnh đó, Hội đồng Thương mại dịch vụ thực hiện việc rà soát các miễn trừ được áp dụng sau thời gian hơn 5 năm.

2. Các hình thức miễn trừ MFN:

Theo thống kê của UNCTAD, 79 thành viên WTO (các nước thành viên EU tính là một thành viên) đã liệt kê 424 miễn trừ MFN trong danh mục cam kết của mình. Phần lớn trong số này (trên 70%) tập trung vào lĩnh vực vận tải (đường biển, hàng không, đường bộ). Tiếp theo là dịch vụ chuyên ngành, tài chính, nghe nhìn... Để phục vụ mục đích tham khảo, chúng tôi xin giới thiệu một số dạng miễn trừ MFN

thường được các nước áp dụng được phân loại theo các tiêu chí: cơ sở áp dụng, biện pháp áp dụng và mục tiêu áp dụng.

* Dựa trên các căn cứ để các nước đưa ra miễn trừ MFN có thể phân ra hai nhóm chính:

a) Các miễn trừ dựa trên nguyên tắc có đi có lại (reciprocity) chiếm gần 40% tổng số miễn trừ và được mô tả nhằm đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận và đãi ngộ tại thị trường nước ngoài hoặc đáp lại các đãi ngộ không công bằng từ bên ngoài.

b) Các miễn trừ theo các thoả ước quốc tế chiếm khoảng 55%. Một số miễn trừ thuộc dạng này viện dẫn cụ thể tới tên hiệp định, bao gồm hiệp định hợp tác sản xuất, hiệp định song phương về đầu tư. Nhưng đa phần, các miễn trừ thuộc dạng này không nêu tên và dạng hiệp định. Một trong những lý do chính là các thoả thuận ưu đãi này được đàm phán giữa một vài thành viên và chưa được thể hiện thành hiệp định.

Ví dụ, điều khoản miễn trừ MFN thuộc lĩnh vực vận tải biển trong danh mục cam kết của Trung quốc viện dẫn chung tới “các hiệp định phân chia hàng hoá” giữa Trung Quốc và một số nước (Brazil, Thailand, Hoa Kỳ...), không nêu cụ thể tên hiệp định, thời hạn miễn trừ hết hiệu lực, lý do áp dụng là “tùy thuộc bối cảnh quan hệ thương mại giữa các bên ký kết”.

Một điểm đáng lưu ý nữa là khoảng 1/3 các miễn trừ thuộc dạng này đề cập tới các thoả ước trên nguyên tắc có đi có lại. Như vậy, có thể thấy, có đi có lại là cơ sở quan trọng để đưa ra các miễn trừ MFN.

* Dựa trên loại hình biện pháp áp dụng

a) Các miễn trừ MFN liên quan tới dịch chuyển thể nhân bao gồm các biện pháp tác động tới việc đi lại, cư trú của các cá nhân gồm: cấp phép cư trú hoặc hành nghề, yêu cầu quốc tịch, các quy định về thị thực xuất nhập cảnh...

b) Các miễn trừ MFN về thuế tạo sự phân biệt đối xử về mức thuế doanh thu, thuế giá trị gia tăng...

c) Các miễn trừ MFN liên quan tới hiện diện thương mại bao gồm các biện pháp tác động đến phương thức cung cấp dịch vụ thứ 3 như: quyền được mở chi nhánh, quy định về thành lập doanh nghiệp (hạn mức góp vốn nước ngoài...).

Trong danh mục cam kết về dịch vụ vận tải biển quốc tế, Trung Quốc không cho phép mở chi nhánh và giới hạn phần góp vốn nước ngoài trong liên doanh ở mức 49%. Trong Danh mục miễn trừ MFN của mình, Trung Quốc dành các đãi ngộ ưu đãi hơn trên cơ sở hiệp định song phương (cho phép mở chi nhánh, cho phép liên doanh vận tải biển thành lập và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài). Miễn trừ này không xác định cụ thể đối tượng, thời hạn hiệu lực ...

d) Các miễn trừ MFN về tiêu chuẩn kỹ thuật. Ví dụ các miễn trừ của EU quy định dành đãi ngộ quốc gia cho một số dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ đáp ứng được những tiêu chí nhất định về xuất xứ châu Âu. (còn tiếp)